

Số 1041/TCKT-TCT

Hà Nội, ngày 30 tháng 8 năm 2024

## CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Tổng công ty Xây dựng Hà Nội – CTCP thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) bán niên năm 2024 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: Tổng công ty Xây dựng Hà Nội – CTCP

- Mã chứng khoán: HAN
- Địa chỉ: Số 57 Quang Trung, P. Nguyễn Du, Q. Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội
- Điện thoại liên hệ/Tel: 024 3826 3162 Fax: 024 394 395 21
- Email: [tckt.tct@gmail.com](mailto:tckt.tct@gmail.com) Website: hancorp.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC bán niên năm 2024  
 BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2023):

Có  Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có  Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2023):

Có  Không



Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 30/08/2024 tại đường dẫn: <https://hancorp.vn/News/Category/28>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

**Nơi nhận:**

- như trên;
- Lưu VP; TCKT;

**Tài liệu đính kèm:**

- BCTC;
- Văn bản giải trình;

**TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG HÀ NỘI - CTCP**



**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC  
Dương Ngọc Quang**



**TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG HÀ NỘI - CTCP**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024**

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	10 - 46

# TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG HÀ NỘI - CTCP

Số 57 Quang Trung, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội - CTCP trình bày Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024.

### TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội - CTCP (gọi tắt là “Tổng Công ty”) tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước thành lập theo Quyết định số 990/BXD-TCLĐ ngày 20/11/1995 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Tổng Công ty thực hiện cổ phần hóa và chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần ngày 14/8/2014.

Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội - CTCP hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0100106338 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 17/6/1996, đăng ký kinh doanh thay đổi các lần và thay đổi lần thứ mười hai (12) ngày 23/3/2021.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty theo đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 12 ngày 23/3/2021 là 1.140.480.000.000 đồng (*Bằng chữ: Một nghìn, một trăm bốn mươi tỷ, bốn trăm tám mươi triệu đồng chẵn*); tương đương 141.048.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Cổ phiếu của Tổng Công ty đang được giao dịch trên sàn UpCOM với Mã chứng khoán HAN.

Trụ sở chính của Tổng Công ty: Số 57 Quang Trung, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Ông Đậu Văn Diện	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đỗ Quý	Thành viên
Ông Nguyễn Minh Cường	Thành viên
Ông Dương Ngọc Quang	Thành viên

#### Ban Kiểm soát

Ông Đinh Công Thụy	Trưởng ban
Bà Dương Thị Kim Quy	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 31/5/2024)
Bà Trần Thị Kim Liên	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 31/5/2024)
Bà Võ Thị Thu Hương	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 31/5/2024)
Ông Dương Mạnh Hùng	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 31/5/2024)

#### Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Đỗ Quý	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Minh Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Dương Ngọc Quang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Toàn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Việt Anh	Phó Tổng Giám đốc

### CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Tổng Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30/06/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ để Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc, *hu*



Nguyễn Đỗ Quý

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2024

Số: 326/2024/BCSX-CPA VIETNAM-NV2

**BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các Cổ đông**  
**Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc**  
**Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội - CTCP**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội - CTCP, được lập ngày 28 tháng 8 năm 2024, từ trang 06 đến trang 46, bao gồm Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30/6/2024, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Tổng Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ**

Như đã trình bày tại Thuyết minh 5.12 và Thuyết minh số 4 - Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn được lập trên cơ sở giá trị hợp lý do Ban lãnh đạo Tổng Công ty tự xác định. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra kết luận đối với các khoản đầu tư này, cũng như ảnh hưởng của vấn đề này đối với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024.

**Kết luận ngoại trừ**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề được mô tả tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30/06/2024, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.



**Nguyễn Thị Mai Hoa**

**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 08/2024/UQ/CPA VIETNAM ngày 02/01/2024 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**

**Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT**

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2024



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

TÀI SẢN	MS	TM	30/6/2024	01/01/2024
			VND	VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>3.275.853.574.139</b>	<b>3.832.793.877.843</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>101.722.175.859</b>	<b>471.444.182.839</b>
1. Tiền	111		101.722.175.859	471.444.182.839
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>3.292.985.021</b>	<b>3.292.985.021</b>
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	3.292.985.021	3.292.985.021
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>2.454.090.742.661</b>	<b>2.510.593.690.847</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	1.438.006.440.171	1.491.057.200.795
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	720.143.876.713	527.818.939.748
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	381.713.319.185	577.490.443.712
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(85.772.893.408)	(85.772.893.408)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>632.236.595.780</b>	<b>758.828.043.435</b>
1. Hàng tồn kho	141	5.7	632.236.595.780	758.828.043.435
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>84.511.074.818</b>	<b>88.634.975.701</b>
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		70.813.090.029	79.603.776.529
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.16	13.697.984.789	9.031.199.172
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200=210+220+230+244+250+260)	<b>200</b>		<b>1.342.952.511.972</b>	<b>1.347.993.775.461</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>1.000.000.000</b>	<b>1.000.000.000</b>
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	1.000.000.000	1.000.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>36.316.335.364</b>	<b>38.300.088.135</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	34.972.520.781	36.942.211.052
- Nguyên giá	222		86.710.189.435	86.665.198.523
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(51.737.668.654)	(49.722.987.471)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	1.343.814.583	1.357.877.083
- Nguyên giá	228		1.639.700.000	1.639.700.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(295.885.417)	(281.822.917)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>5.10</b>	<b>346.458.782.772</b>	<b>350.731.735.767</b>
1. Nguyên giá	231		422.493.049.036	422.493.049.036
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232		(76.034.266.264)	(71.761.313.269)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>2.092.521.934</b>	<b>560.150.000</b>
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.11	2.092.521.934	560.150.000
<b>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5.12</b>	<b>955.921.582.218</b>	<b>955.921.582.218</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		192.511.012.070	192.511.012.070
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		344.878.757.352	344.878.757.352
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		455.299.236.796	455.299.236.796
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(36.767.424.000)	(36.767.424.000)
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.163.289.684</b>	<b>1.480.219.341</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.13	1.163.289.684	1.480.219.341
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)</b>	<b>270</b>		<b>4.618.806.086.111</b>	<b>5.180.787.653.304</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**  
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/6/2024	01/01/2024
			VND	VND
<b>C- NỢ PHẢI TRẢ ( 300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>3.103.629.946.827</b>	<b>3.688.521.393.780</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>2.956.757.847.216</b>	<b>3.329.825.199.532</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.14	432.834.379.757	591.555.780.953
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.15	393.404.203.996	640.633.365.190
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.16	92.158.022.345	125.601.849.811
4. Phải trả người lao động	314		3.264.279.278	4.739.284.373
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.17	1.263.388.398.657	1.129.413.353.039
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.18	3.947.772.916	3.947.772.916
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.19	164.570.453.508	182.300.229.330
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.20	597.157.364.094	645.204.091.255
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		6.032.972.665	6.429.472.665
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>146.872.099.611</b>	<b>358.696.194.248</b>
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	5.18	146.872.099.611	358.696.194.248
<b>D- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>1.515.176.139.284</b>	<b>1.492.266.259.524</b>
<b>(400 = 410)</b>				
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.21</b>	<b>1.515.176.139.284</b>	<b>1.492.266.259.524</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.410.480.000.000	1.410.480.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.410.480.000.000	1.410.480.000.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	418		37.153.132.649	37.153.132.649
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		67.543.006.635	44.633.126.875
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		44.633.126.875	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		22.909.879.760	44.633.126.875
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>4.618.806.086.111</b>	<b>5.180.787.653.304</b>
<b>(440 = 300+400)</b>				

Người lập

Nguyễn Thị Thu Hương

Kế toán trưởng

Nguyễn Quang Huy

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2024

Tổng Giám đốc



Nguyễn Đỗ Quý

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			ngày 30/6/2024	ngày 30/6/2023
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	1.111.318.476.447	642.538.936.593
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		1.111.318.476.447	642.538.936.593
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	1.062.440.782.071	623.780.269.176
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)</b>	<b>20</b>		<b>48.877.694.376</b>	<b>18.758.667.417</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	19.296.681.117	9.976.799.500
7. Chi phí tài chính	22	6.4	19.675.980.973	5.966.313.513
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>19.675.980.973</i>	<i>5.966.313.513</i>
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	21.176.261.421	9.038.661.324
<b>9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}</b>	<b>30</b>		<b>27.322.133.099</b>	<b>13.730.492.080</b>
10. Thu nhập khác	31	6.6	73.699.614.895	3.707.656.968
11. Chi phí khác	32	6.6	72.338.359.920	3.229.327.715
<b>12. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)</b>	<b>40</b>	<b>6.6</b>	<b>1.361.254.975</b>	<b>478.329.253</b>
<b>13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)</b>	<b>50</b>		<b>28.683.388.074</b>	<b>14.208.821.333</b>
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	5.773.508.314	1.698.779.692
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>22.909.879.760</b>	<b>12.510.041.641</b>

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2024

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Thu Hương

Nguyễn Quang Huy

Nguyễn Đỗ Quý

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			ngày 30/6/2024	ngày 30/6/2023
			VND	VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		28.683.388.074	14.208.821.333
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		6.301.696.678	5.849.304.265
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(19.296.681.117)	(9.976.799.500)
- Chi phí lãi vay	06		19.675.980.973	5.966.313.513
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		35.364.384.608	16.047.639.611
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(105.792.173.019)	90.789.646.653
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		126.591.447.655	(330.092.782.878)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(505.856.884.906)	(44.336.506.127)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		316.929.657	12.228.686.365
- Tiền lãi vay đã trả	14		(19.675.980.973)	(6.250.151.180)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(38.567.176.242)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(396.500.000)	(2.609.308.384)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(469.448.776.978)</b>	<b>(302.789.952.182)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.577.362.846)	(2.784.500.714)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		38.691.681.117	158.216.257
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>37.114.318.271</b>	<b>(2.626.284.457)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
3. Tiền thu từ cho vay	33		456.464.301.457	483.403.095.319
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(338.092.006.530)	(355.732.219.600)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(55.759.843.200)	(59.941.027.512)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>62.612.451.727</b>	<b>67.729.848.207</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(369.722.006.980)</b>	<b>(237.686.388.432)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>5.1</b>	<b>471.444.182.839</b>	<b>410.133.716.225</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>5.1</b>	<b>101.722.175.859</b>	<b>172.447.327.793</b>

Người lập

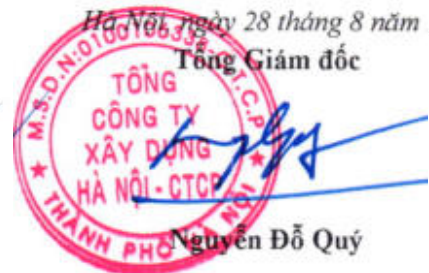


Nguyễn Thị Thu Hương

Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Huy



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội - CTCP tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước thành lập theo Quyết định số 990/BXD-TCLĐ ngày 20/11/1995 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Tổng Công ty thực hiện cổ phần hóa và chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần ngày 14/8/2014.

Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội - CTCP hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Tổng Công ty Cổ phần số 0100106338 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 17/6/1996, đăng ký kinh doanh thay đổi các lần và thay đổi lần thứ mười (12) ngày 23/3/2021.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty theo đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 12 ngày 23/3/2021 là 1.140.480.000.000 đồng (*Bằng chữ: Một nghìn, một trăm bốn mươi tỷ, bốn trăm tám mươi triệu đồng chẵn*); tương đương 141.048.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Cổ phiếu của Tổng Công ty đang được giao dịch trên sàn UpCOM với Mã chứng khoán HAN.

Trụ sở chính của Tổng Công ty: Số 57 Quang Trung, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 30/6/2024 là: 217 người (tại ngày 31/12/2023 là 231 người).

**1.2 Ngành, nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Hoạt động chính của Tổng Công ty là:

- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Lắp đặt hệ thống điện
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Hoàn thiện công trình dân dụng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Kinh doanh Bất động sản; Quản lý và vận hành nhà chung cư).

Hoạt động chính của Tổng Công ty trong kỳ: Kinh doanh bất động sản và thi công các công trình xây dựng.

**1.3. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty là 12 tháng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024

**1.4 Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 30/06/2024, Tổng Công ty có các Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết và đơn vị phụ thuộc như sau:

<b>Tên Công ty</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>Ngành nghề kinh doanh</b>	<b>Tỷ lệ góp vốn</b>	<b>Tỷ lệ biểu quyết</b>
<b>Đầu tư vào Công ty con</b>				
Công ty Cổ phần Xây dựng số 1 Hà Nội	Hà Nội	Kinh doanh Bất động sản và thi công xây dựng	50,36%	50,36%
Công ty CP Đầu tư Phát triển nhà và Xây dựng Tây hồ	Hà Nội	Sản xuất, kinh doanh dịch vụ thương mại và xây dựng	50,09%	50,09%
Công ty CP Thiết bị và Vật liệu Xây dựng Hancorp	Hà Nội	Kinh doanh Bất động sản và thi công xây dựng	95,52%	95,52%
Công ty TNHH MTV Hancorp 3	Tp. Hồ Chí Minh	Thi công xây dựng	100,00%	100,00%
Công ty TNHH MTV Hantech	Hà Nội	Thi công xây dựng	100,00%	100,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại Hancorp1 Hà Nội	Hà Nội	Thi công xây dựng	51,00%	51,00%
Công ty Cổ phần Dịch vụ Đô thị Hancorp	Hà Nội	Thi công xây dựng và dịch vụ	51,00%	51,00%
<b>Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết</b>				
Công ty Cổ phần Hancorp	Hà Nội	Sản xuất bê tông, vật liệu xây dựng, thi công xây dựng	27,73%	27,73%
Công ty Cổ phần Xây dựng Hancorp.2	Thanh Hóa	Xây dựng, Tư vấn thiết kế	46,07%	46,07%
Công ty Cổ phần Tư vấn thiết kế và kinh doanh nhà	Hà Nội	Tư vấn, thiết kế	36%	36%
Công ty Cổ phần Xây dựng số 34	Hà Nội	Xây dựng	30%	30%
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây dựng	Hà Nội	Cơ khí và Xây dựng	29,95%	29,95%
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới Xây lắp	Hà Nội	Xây dựng, kinh doanh vật liệu xây dựng	28,53%	28,53%
Công ty Cổ phần Xây dựng số 2	Hà Nội	Xây dựng, sản xuất bê tông	28,07%	28,07%
Công ty Cổ phần kinh doanh vật tư và Xây dựng	Hà Nội	Xây dựng	27%	27%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bất động sản LANMAK	Hà Nội	Xây dựng, Bất động sản, Tư vấn, quản lý bất động sản	27%	27%
Công ty TNHH Quốc tế Hồ Tây	Hà Nội	Kinh doanh Khách sạn	25%	25%
Công ty Cổ phần Công nghệ Xây dựng Hancorp5	Hà Nội	Tư vấn	25%	25%
Công ty Cổ phần Xi măng Mỹ Đức	Hà Nội	Sản xuất Xi măng	44%	44%
Công ty cổ phần Đầu tư Cao Tốc Hòa Bình- Sơn La	Hà Nội	Xây dựng	20,00%	20,00%

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024

### **1.4 Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)**

<b>Tên đơn vị phụ thuộc</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>Hoạt động kinh doanh chính</b>
Ban quản lý các Dự án Phát triển Nhà và Đô thị	Dự án Khu Ngoại Giao -Xuân Đình - Từ Liêm - Hà Nội	Quản lý dự án
Xí nghiệp Dịch vụ Đô thị và Nhà ở (ngừng hoạt động)	Làng Quốc tế Thăng Long - Cầu Giấy - Hà Nội	Quản lý, vận hành dự án
Công ty Xây dựng Quốc tế	Số B3B - Làng Quốc tế Thăng Long - Cầu Giấy - Hà Nội	Xây dựng
Chi nhánh Hồ Chí Minh (ngừng hoạt động)	Số 11 đường D1, phường 25, Bình Thạnh, TP. HCM	Xây dựng

### **1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Tổng Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/11/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ là có thể so sánh được.

## **2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024.

### **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

## **3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **Chế độ kế toán áp dụng**

Tổng Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

### **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Tổng Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024

### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### **Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính giữa niên độ của các đơn vị trực thuộc và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Tổng Công ty, các nghiệp vụ và số dư giữa Văn phòng Tổng Công ty với các đơn vị trực thuộc và giữa các đơn vị trực thuộc với nhau đã được loại trừ khi trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo là Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty, do vậy, không bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của các Công ty con. Người sử dụng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024 để có các thông tin hoàn chỉnh về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Tổng Công ty trong kỳ.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

#### **Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### **Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

##### ***Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ***

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

##### ***Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ***

Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (Tiền, Nợ phải thu,...): Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP ngoại Tổng Công ty mở tài khoản tại ngày 30/06/2024.

- (i) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán, vay,...): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP ngoại Tổng Công ty mở tài khoản tại ngày 30/06/2024.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào Doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

#### **Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính*****Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

***Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác***

Các khoản đầu tư vào các Công ty con mà Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát, các khoản đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty con sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh, Công ty liên kết, các khoản đầu tư khác được trình bày trong Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

Các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

***Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư***

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào Công ty con, góp vốn liên doanh, đầu tư vào Công ty liên kết và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập trên cơ sở giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do Tổng Công ty tự xác định.

**Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

**Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tổng Công ty bao gồm chi phí công cụ dụng cụ, chi phí bảo hiểm và chi phí khác.

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí bảo hiểm được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng theo thời gian bảo hiểm.

Chi phí khác được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng thời gian không quá 36 tháng.

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<b>Số năm</b>
Nhà cửa và vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc và thiết bị	05 - 15
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao thời gian từ 3 năm đến 5 năm.

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không thời hạn, Tổng Công ty không thực hiện trích khấu hao.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024

### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

#### Nguyên tắc kế toán và khấu hao Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng vật kiến trúc do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm toàn bộ các chi phí (tiền và tương đương tiền) mà Tổng Công ty bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính tới thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành Bất động sản đầu tư đó.

Các chi phí liên quan đến Bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho Bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá Bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc

**Số năm**  
10 - 50

Thanh lý: Lãi và lỗ do thanh lý bất động sản đầu tư được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Tổng Công ty bao gồm:

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Tổng Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 36 tháng.

Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng 36 tháng.

#### Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

#### Nguyên tắc kế toán thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024

### **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

#### **Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Tổng Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Tổng Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa Công ty mẹ và Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

#### **Nguyên tắc ghi nhận vay**

Bao gồm các khoản tiền vay không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Tổng Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán chi phí đi vay.

#### **Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

#### **Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

#### **Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện gồm: doanh thu nhận trước (như: số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, cơ sở hạ tầng, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ); và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác (như: khoản chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thông...); không bao gồm: tiền nhận trước của người mua mà Tổng Công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều năm.

Doanh thu nhận trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ trên số kỳ đã thu tiền trước.

#### **Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Tổng Công ty.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và Văn bản chấp thuận của Bộ Xây Dựng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

Doanh thu của Tổng Công ty bao gồm doanh thu hợp đồng xây dựng, doanh thu kinh doanh bất động sản, doanh thu bán hàng và doanh thu cung cấp dịch vụ (cho thuê văn phòng và phí dịch vụ, cho thuê thiết bị),...

**Doanh thu bán hàng hóa**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**Doanh thu bán bất động sản**

Doanh thu bán bất động sản mà Tổng Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.

- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Tổng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản

**Doanh thu Hợp đồng xây dựng**

Doanh thu hợp đồng xây dựng quy định Tổng Công ty được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (Tiếp theo)**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

**Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác**

Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

**Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Bao gồm giá vốn của hợp đồng xây dựng, sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động, chi phí nhượng bán, thanh lý BĐS đầu tư...) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong kỳ.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong kỳ; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	813.970.010	1.612.999.470
Tiền gửi ngân hàng	100.908.205.849	469.831.183.369
<b>Tổng</b>	<b>101.722.175.859</b>	<b>471.444.182.839</b>

**5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/6/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<b>Ngắn hạn</b>	<b>3.292.985.021</b>	<b>3.292.985.021</b>	<b>3.292.985.021</b>	<b>3.292.985.021</b>
- Tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng	3.292.985.021	3.292.985.021	3.292.985.021	3.292.985.021
<b>Tổng</b>	<b>3.292.985.021</b>	<b>3.292.985.021</b>	<b>3.292.985.021</b>	<b>3.292.985.021</b>

*Đơn vị tính: VND*

**5.3 Phải thu của khách hàng**

	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.438.006.440.171</b>	<b>1.491.057.200.795</b>
BQL Dự án Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1 - Tổng công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP	308.757.299.893	382.429.721.909
Bệnh viện Việt Đức- cơ sở 2	216.405.627.700	216.405.627.700
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Phú Mỹ	48.777.159.998	48.777.159.998
Ban quản lý dự án Giao thông khu vực Cảng Cái Mép -Thị Vải	635.256.738	94.091.990
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bất động sản Lanmak	11.344.305.174	10.176.864.645
Bệnh viện Nhi Trung ương	16.646.334.878	16.646.334.878
Công ty Cổ phần Lắp máy Điện nước và Xây dựng	1.507.111.954	1.507.111.954
Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Bất động sản Hà Nội (*)	21.398.653.706	21.398.653.706
Công ty Xây dựng Bảo tàng Hồ Chí Minh	1.345.909.060	1.345.909.060
UBND tỉnh Đồng Nai	100.048.699.111	100.048.699.111
Các căn hộ DA N01T67 Tòa N01T7	83.669.990.906	-
BQL đường sắt đô thị Hà Nội	223.682.398.208	253.942.219.942
Phải thu khách hàng ngắn hạn khác	403.787.692.845	438.284.805.902
<b>Tổng</b>	<b>1.438.006.440.171</b>	<b>1.491.057.200.795</b>

*Trong đó phải thu các bên liên quan (trình bày tại Thuyết minh số 7.1)*

<i>14.492.052.620</i>	<i>18.498.609.112</i>
-----------------------	-----------------------

(\*): Đây là khoản công nợ chuyển nhượng Dự án ” Tòa nhà hỗn hợp N01-T6,T7” tại Khu Đoàn ngoại giao Hà Nội, phường Xuân Tảo, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024

**5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<b>30/6/2024</b>	<b>01/01/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty Cổ phần Hancorp	106.510.895.110	106.510.895.110
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Hà Nội	65.938.512.876	65.938.512.876
Công ty Cổ phần Hasky	45.471.788.485	31.421.324.918
Công ty Cổ phần Sông Hồng Hà	50.417.419.000	50.417.419.000
Công ty Cổ Phần Xây dựng Thương mại An Xuân Thịnh	29.161.327.815	29.161.327.815
Cty TNHH kỹ thuật xây dựng E-POWER	77.263.400.878	20.000.000.000
Công ty CP Bạch Đằng	30.227.931.757	-
Công ty Cổ phần Công nghệ và Xây dựng Hancorp 5	11.424.377.024	12.277.662.123
Cty CP xây dựng số 1 Hà Nội	40.436.756.717	-
Các đối tượng khác	263.291.467.051	212.091.797.906
<b>Tổng</b>	<b>720.143.876.713</b>	<b>527.818.939.748</b>
<i>Trong đó trả trước cho người bán các bên liên quan (trình bày tại Thuyết minh số 7.1)</i>	<i>197.046.301.857</i>	<i>155.287.077.106</i>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024

**5.5 Phải thu khác**

*Đơn vị tính: VND*

	30/6/2024		01/01/2024	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>	<b>381.713.319.185</b>	<b>(84.986.937.768)</b>	<b>577.490.443.712</b>	<b>(84.986.937.768)</b>
- Bảo hiểm xã hội, BHYT, BHTN	104.451.532		77.026.191	
- Tạm ứng	10.981.535.287	-	9.893.285.951	-
- Phải thu khác	370.627.332.366	-	567.520.131.570	-
<i>Công ty Cổ phần Cơ khí &amp; Xây dựng</i>	<i>29.773.759.161</i>	<i>(14.852.252.980)</i>	<i>29.773.759.161</i>	<i>(14.852.252.980)</i>
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bất Động Sản Lanmak</i>	<i>7.196.409.464</i>	-	<i>7.196.409.464</i>	-
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư &amp; xây dựng số 4</i>	<i>3.516.880.955</i>	-	<i>3.516.880.955</i>	-
<i>Công ty Cổ phần Kinh doanh vật tư &amp; Xây dựng</i>	<i>4.622.094.541</i>	-	<i>4.622.094.541</i>	-
<i>Công ty Cổ phần Lắp máy điện nước và Xây dựng</i>	<i>1.283.589.360</i>	-	<i>1.553.589.360</i>	-
<i>Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế xây dựng và kinh doanh Nhà</i>	<i>1.679.877.067</i>	-	<i>1.679.877.067</i>	-
<i>Công ty Cổ phần Kinh Bắc (*)</i>	<i>5.350.337.622</i>	-	<i>122.931.210.970</i>	-
<i>Công ty Cổ phần Phát triển TN (*)</i>	-	-	<i>86.074.997.486</i>	-
<i>Công ty Cổ phần Hancorp</i>	<i>41.060.891.009</i>	-	<i>39.073.331.000</i>	-
+ Các khoản phải thu khác	276.143.493.187	(70.134.684.788)	271.097.981.566	(70.134.684.788)
<b>Dài hạn</b>	<b>1.000.000.000</b>	-	<b>1.000.000.000</b>	-
- Ký cược, ký quỹ	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
<b>Tổng</b>	<b>382.713.319.185</b>	<b>(84.986.937.768)</b>	<b>578.490.443.712</b>	<b>(84.986.937.768)</b>
<i>Trong đó phải thu khác các bên liên quan được trình bày Thuyết minh 7.1</i>	<i>214.561.314.284</i>	<i>(68.986.937.768)</i>	<i>215.917.297.285</i>	<i>(84.986.937.768)</i>

(\*): Đây là giá trị phải thu các chủ đầu tư thứ cấp tiền thuê đất phải nộp của dự án Ngoại giao đoàn.

**5.6 Nợ xấu**

*Đơn vị tính: VND*

	30/6/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển xây dựng	33.429.921.970	17.429.921.970	33.429.921.970	17.429.921.970
Công ty CP xây dựng Hancorp.2	70.920.622.916	16.785.938.128	70.920.622.916	16.785.938.128
Công ty Cổ phần Cơ khí & Xây dựng	29.773.759.161	14.921.506.181	29.773.759.161	14.921.506.181
Các đối tượng khác	785.955.640	-	785.955.640	-
<b>Tổng</b>	<b>134.910.259.687</b>	<b>49.137.366.279</b>	<b>134.910.259.687</b>	<b>49.137.366.279</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024

**5.7 Hàng tồn kho**

*Đơn vị tính: VND*

	30/6/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	632.236.595.780	-	758.828.043.435	-
<b>Tổng</b>	<b>632.236.595.780</b>	<b>-</b>	<b>758.828.043.435</b>	<b>-</b>

**Chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh dở dang**

	30/6/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<b>Dự án đầu tư bất động sản</b>	<b>480.233.288.764</b>	<b>-</b>	<b>575.208.281.951</b>	<b>-</b>
- Các hạng mục tại dự án				
Ngoại giao đoàn	480.233.288.764	-	575.208.281.951	-
<i>Dự án Nhà ở cao tầng</i>				
<i>N01-T8-NGĐ</i>	13.597.380.104	-	13.342.190.275	-
<i>Nhà ở cao tầng N01, N02 - Khu</i>				
<i>Ngoại giao đoàn</i>	81.330.480.413	-	81.330.480.413	-
<i>Dự án BT1 đến BT6</i>				
<i>Ngoại giao đoàn</i>	77.668.604.419	-	77.668.604.419	-
<i>Khu công cộng CC1-CC5A</i>				
<i>Ngoại giao đoàn</i>	103.396.386.779	-	97.200.636.201	-
<i>Lô đất NT1, NT2, TH1, TH2 Khu</i>				
<i>Ngoại giao đoàn</i>	116.107.289.430	-	112.801.349.024	-
<i>Bãi đỗ xe (P1, P2) - Khu Ngoại</i>				
<i>giao đoàn</i>	37.780.514.145	-	35.062.432.174	-
<i>Tòa nhà hỗn hợp N01 - T6, T7</i>				
<i>Ngoại giao đoàn</i>	-	-	110.757.673.489	-
<i>Các hạng mục khác tại Dự án</i>				
<i>Ngoại giao đoàn</i>	50.352.633.474	-	47.044.915.956	-
<b>Các công trình xây lắp</b>	<b>152.003.307.016</b>	<b>-</b>	<b>183.619.761.484</b>	<b>-</b>
Gói thầu 12-T3TSN	52.385.629.376	-	92.122.192.367	-
TT điều dưỡng và phục hồi CN TP. HCM	24.066.527.111	-	21.415.252.007	-
Các công trình khác	75.551.150.529	-	70.082.317.110	-
<b>Tổng</b>	<b>632.236.595.780</b>	<b>-</b>	<b>758.828.043.435</b>	<b>-</b>

**TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG HÀ NỘI - CTCP**  
Số 57 Quang Trung, phường Nguyễn Du,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Mẫu số **B 09a - DN**  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024

**5.8 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

NGUYÊN GIÁ	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng	Đơn vị tính: VND
Số dư tại 01/01/2024	58.987.426.121	4.471.495.953	18.127.838.177	5.078.438.272	86.665.198.523	
Tăng trong kỳ	-	-	-	44.990.912	44.990.912	
Mua trong kỳ	-	-	-	44.990.912	44.990.912	
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	
Số dư tại 30/6/2024	58.987.426.121	4.471.495.953	18.127.838.177	5.123.429.184	86.710.189.435	
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Số dư tại 01/01/2024	30.813.739.896	4.443.007.764	9.623.624.046	4.842.615.765	49.722.987.471	
Tăng trong kỳ	1.064.862.600	-	907.115.306	42.703.277	2.014.681.183	
Khấu hao trong kỳ	1.064.862.600	-	907.115.306	42.703.277	2.014.681.183	
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	
Số dư tại 30/6/2024	31.878.602.496	4.443.007.764	10.530.739.352	4.885.319.042	51.737.668.654	
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại 01/01/2024	28.173.686.225	28.488.189	8.504.214.131	235.822.507	36.942.211.052	
Tại 30/6/2024	27.108.823.625	28.488.189	7.597.098.825	238.110.142	34.972.520.781	

Tổng Công ty đã thế chấp tài sản cố định hữu hình để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng với giá trị còn lại tại ngày 30/06/2024 là 20.642.483.773 VND (tại ngày 01/01/2024 là 21.189.304.727 VND).

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2024 với giá trị là 13.418.515.917 VND (tại ngày 01/01/2024 là 21.520.368.282 VND).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024

**5.9 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

*Đơn vị tính: VND*

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số dư tại 01/01/2024	1.297.200.000	342.500.000	1.639.700.000
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư tại 30/6/2024	1.297.200.000	342.500.000	1.639.700.000
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Số dư tại 01/01/2024	-	281.822.917	281.822.917
Tăng trong kỳ	-	14.062.500	14.062.500
Khấu hao trong kỳ	-	14.062.500	14.062.500
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư tại 30/6/2024	-	295.885.417	295.885.417
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại 01/01/2024	1.297.200.000	60.677.083	1.357.877.083
Tại 30/6/2024	1.297.200.000	46.614.583	1.343.814.583

(\*): Quyền sử dụng đất là quyền sử dụng đất lâu dài (94m<sup>2</sup>) tại số 1C5, đường D1, P25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2024 với giá trị là 117.500.000 VND (tại ngày 01/01/2024 là 117.500.000 VND).

**5.10 Tăng, giảm bất động sản đầu tư**

*Đơn vị tính: VND*

Khoản mục	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
<b>Nguyên giá</b>	<b>422.493.049.036</b>	-	-	<b>422.493.049.036</b>
Nhà (*)	414.736.490.067			414.736.490.067
Cơ sở hạ tầng (**)	7.756.558.969			7.756.558.969
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	<b>71.761.313.269</b>	<b>4.272.952.995</b>	-	<b>76.034.266.264</b>
Nhà (*)	71.094.922.764	4.197.627.291		75.292.550.055
Cơ sở hạ tầng (**)	666.390.505	75.325.704		741.716.209
<b>Giá trị còn lại</b>	<b>350.731.735.767</b>	<b>(4.272.952.995)</b>	-	<b>346.458.782.772</b>
Nhà (*)	343.641.567.303	(4.197.627.291)		339.443.940.012
Cơ sở hạ tầng (**)	7.090.168.464	(75.325.704)		7.014.842.760

(\*): Bất động sản đầu tư gồm:

**Bất động sản đầu tư cho thuê**

- (1) Tầng hầm, trung tâm thương mại khối 3 tầng, tầng 1 và tầng 2, diện tích khu văn phòng thuộc dự án 28 tầng Làng Quốc tế Thăng Long;
- (2) Tầng hầm, khu văn phòng tầng 1 thuộc khu nhà ở và thương mại N04A - dự án hạ tầng Ngoại giao đoàn;
- (3) Tầng hầm và khu văn phòng tầng 1 thuộc dự án Nhà ở cao tầng N01T8 - dự án hạ tầng Ngoại giao đoàn;
- (4) Bãi đỗ xe P2 khu Ngoại giao đoàn.

**Bất động sản đầu tư chờ tăng giá**

- (5) Biệt thự 28.6 dự án khu dân cư Phương An - Long Thọ, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024

**5.10 Tăng, giảm Bất động sản đầu tư (Tiếp theo)****(\*\*): Bất động sản đầu tư cho thuê là cơ sở hạ tầng bao gồm:**

- (1) Sân tennis - Khu nhà ở công vụ và thương mại N04A;
- (2) Bể bơi và khu vực phục vụ bể bơi - Nhà ở cao tầng N01T8;

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư cần được trình bày trên Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Tại ngày 30/06/2024, Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư, chưa trình bày trên Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ Tổng Công ty, tuy nhiên dựa trên tỷ lệ cho thuê của các tài sản này và giá trị thị trường, Tổng Công ty đánh giá rằng giá trị thị trường của các bất động sản đầu tư này đang cao hơn giá trị ghi sổ vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

**5.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>2.092.521.934</b>	<b>560.150.000</b>
Chi phí mua đất bên Đông Anh (*)	560.150.000	560.150.000
Chi phí cải tạo sửa chữa Văn phòng Tổng Công ty	1.532.371.934	-
<b>Tổng</b>	<b>2.092.521.934</b>	<b>560.150.000</b>

(\*): Các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất quy hoạch giãn dân của UBND xã Cổ Loa, Đông Anh với tổng diện tích là 189 m<sup>2</sup>.



**TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG HÀ NỘI - CTCP**

Số 57 Quang Trung, phường Nguyễn Du,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024

**5.12 Các khoản đầu tư dài hạn**

*Đơn vị tính: VND*

	Tỷ lệ		30/6/2024		01/01/2024	
	Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Giá trị ghi số	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi số	Giá trị hợp lý
<b>Đầu tư vào Công ty con</b>			<b>192.511.012.070</b>		<b>192.511.012.070</b>	
Công ty CP Xây dựng số 1 Hà Nội	50,36%	50,36%	87.683.054.206		87.683.054.206	
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Xây dựng Tây Hồ	50,09%	50,09%	22.427.957.864		22.427.957.864	
Công ty CP Thiết bị và Vật liệu Xây dựng Hancorp	95,52%	95,52%	32.000.000.000		32.000.000.000	
Công ty TNHH MTV Hancorp 3	100,00%	100,00%	20.000.000.000		20.000.000.000	
Công ty TNHH MTV Hantech	100,00%	100,00%	10.000.000.000		10.000.000.000	
Công ty CP Đầu tư Thương mại Hancorp 1 Hà Nội	51,00%	51,00%	10.200.000.000		10.200.000.000	
Công ty CP Dịch vụ Đô thị Hancorp	51,00%	51,00%	10.200.000.000		10.200.000.000	

**TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG HÀ NỘI - CTCP**Số 57 Quang Trung, phường Nguyễn Du,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà NộiMẫu số B 09a - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024

**5.12 Các khoản đầu tư dài hạn (Tiếp theo)***Đơn vị tính: VND*

	Tỷ lệ		30/6/2024		01/01/2024	
	Vốn năm giữ	Quyền biểu quyết	Giá trị ghi số hợp lý	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi số hợp lý	Giá trị hợp lý
<b>Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết</b>			<b>344.878.757.352</b>	<b>344.878.757.352</b>	<b>344.878.757.352</b>	<b>(6.551.200.000)</b>
Công ty Cổ phần Hancorp	27,73%	27,73%	8.320.000.000	-	8.320.000.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Hancorp.2	46,07%	46,07%	3.706.000.000	(3.706.000.000)	3.706.000.000	(3.706.000.000)
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xây dựng Kinh doanh Nhà	36,00%	36,00%	2.244.173.657	-	2.244.173.657	-
Công ty Cổ phần Xây dựng số 34	30,00%	30,00%	9.706.450.571	-	9.706.450.571	-
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây dựng	29,95%	29,95%	2.845.200.000	(2.845.200.000)	2.845.200.000	(2.845.200.000)
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới Xây lắp	28,53%	28,53%	17.428.165.112	-	17.428.165.112	-
Công ty Cổ phần Xây dựng số 2	28,07%	28,07%	19.087.163.048	-	19.087.163.048	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh Vật tư và Xây dựng	27,00%	27,00%	10.919.762.009	-	10.919.762.009	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bất động sản Lanmak	27,00%	27,00%	19.451.653.582	-	19.451.653.582	-
Công ty TNHH Quốc tế Hồ Tây	25,00%	25,00%	91.614.451.680	-	91.614.451.680	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Xây dựng Hancorp5	25,00%	25,00%	3.500.000.000	-	3.500.000.000	-
Công ty Cổ phần Xi măng Mỹ Đức (1)	44,00%	44,00%	150.055.737.693	-	150.055.737.693	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Cao Tốc Hòa Bình - Sơn La	20,00%	20,00%	6.000.000.000	-	6.000.000.000	-



**TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG HÀ NỘI - CTCP**

Số 57 Quang Trung, phường Nguyễn Du,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024

**5.12 Các khoản đầu tư dài hạn (Tiếp theo)**

	Tỷ lệ		30/6/2024		01/01/2024		Đơn vị tính: VND
	Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>			<b>455.299.236.796</b>		<b>(30.216.224.000)</b>		<b>(30.216.224.000)</b>
Công ty Cổ phần Bạch Đằng	12,97%	12,97%	4.542.847.049		-	4.542.847.049	-
Công ty Cổ phần Phát triển Kỹ thuật Xây dựng	0,97%	0,97%	8.686.787.651		-	8.686.787.651	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Hùng Lợi	15,00%	15,00%	4.500.000.000		(4.500.000.000)	4.500.000.000	(4.500.000.000)
Công ty Cổ phần Sahabak (1)	25,00%	25,00%	32.500.000.000		(19.500.000.000)	32.500.000.000	(19.500.000.000)
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phú Mỹ	11,27%	11,27%	83.990.800.000		-	83.990.800.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác Nhà ga Quốc tế Đà Nẵng	10,00%	10,00%	30.000.000.000		-	30.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng 1 Hà Nội	1,27%	1,27%	1.695.579.072		-	1.695.579.072	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nhà CIE - CMC - Vinaconex E&C	2,95%	2,95%	1.474.200.000		-	1.474.200.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Đô thị Việt Nam	10,25%	10,25%	3.488.318.859		-	3.488.318.859	-
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Bắc Hà Nội	1,50%	1,50%	3.000.000.000		(3.000.000.000)	3.000.000.000	(3.000.000.000)
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gas Đô thị (PCG) (2)	1,16%	1,16%	1.613.940.000		-	1.613.940.000	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí (PSI) (3)	0,17%	0,17%	690.000.000		-	690.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	8,06%	8,06%	175.218.750.000		-	175.218.750.000	-
Công ty Cổ phần BOT Xe điện mặt đất số 1	1,45%	1,45%	3.216.224.000		(3.216.224.000)	3.216.224.000	(3.216.224.000)
Công ty Cổ phần Trung Đô	10,07%	10,07%	55.861.727.130		-	55.861.727.130	-
Công ty CP Lắp máy Điện nước và Xây dựng	6,00%	6,00%	43.820.063.035		-	43.820.063.035	-
Công ty Cổ phần Đô thị Mộc Châu	15,00%	15,00%	1.000.000.000		-	1.000.000.000	-
<b>Tổng</b>			<b>992.689.006.218</b>	<b>(*)</b>	<b>(36.767.424.000)</b>	<b>992.689.006.218</b>	<b>(*)</b>
							<b>(36.767.424.000)</b>



**TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG HÀ NỘI - CTCP**

Số 57 Quang Trung, phường Nguyễn Du,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024

**5.12 Các khoản đầu tư dài hạn (Tiếp theo)**

- (1): Tỷ lệ góp vốn bao gồm cả phần Tổng Công ty đứng tên cho các cổ đông khác. Phần vốn góp Tổng Công ty đang đứng tên này được thuyết minh tại Thuyết minh số 5.19.
- (2): Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào cổ phiếu Công ty cổ phần Dầu từ Phát triển Gas Đô thị (PCG) được xác định theo giá đóng cửa của chứng khoán này trên sàn HNX tại ngày 30/6/2024 (giá đóng cửa tại ngày 28/06/2024) và ngày 31/12/2023 (giá đóng cửa tại ngày 29/12/2023) tương ứng là 1.243.170.000 VND và 1.483.080.000 VND.
- (3): Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào cổ phiếu Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí (PSI) được xác định theo giá đóng cửa của chứng khoán này trên sàn HNX tại ngày 30/6/2024 (giá đóng cửa tại ngày 28/06/2024) và ngày 31/12/2023 (giá đóng cửa tại ngày 29/12/2023) tương ứng là 800.000.000 VND và 880.000.000 VND.
- (\*): Tại ngày 30/06/2024, đối với các khoản đầu tư còn lại, Ban lãnh đạo Tổng Công ty đánh giá giá trị dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn trên cơ sở giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do Tổng Công ty tự xác định.

Giao dịch các bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh số 7.1 - Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024

**5.13 Chi phí trả trước**

	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>Dài hạn</b>	<b>1.163.289.684</b>	<b>1.480.219.341</b>
Chi phí sửa chữa	25.935.272	87.664.600
Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.137.354.412	1.392.554.741
<b>Tổng</b>	<b>1.163.289.684</b>	<b>1.480.219.341</b>

**5.14 Phải trả người bán**

*Đơn vị tính: VND*

	30/6/2024		01/01/2024	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
<b>Ngắn hạn</b>	<b>432.834.379.757</b>	<b>432.834.379.757</b>	<b>591.555.780.953</b>	<b>591.555.780.953</b>
Công ty Cổ phần Xây dựng số 34	2.986.067.018	2.986.067.018	4.190.013.813	4.190.013.813
Công ty Cổ phần Đầu tư Lạc Hồng	14.998.501.641	14.998.501.641	14.998.501.641	14.998.501.641
Công ty TNHH Hà Hùng	21.967.598.341	21.967.598.341	26.777.063.610	26.777.063.610
Công ty Cổ phần Đầu tư nhà và Xây dựng Tây Hồ	10.845.069.307	10.845.069.307	10.845.069.307	10.845.069.307
Công ty Cổ phần Nền móng và Xây dựng ACC-BVA	6.529.721.953	6.529.721.953	6.529.721.953	6.529.721.953
Công ty Cổ phần Xây dựng Thăng Long	6.128.013.706	6.128.013.706	4.796.360.178	4.796.360.178
Chi nhánh Hợp tác xã Vận tải ô tô Tân Phú	19.733.432.805	19.733.432.805	55.874.907.212	55.874.907.212
Công ty Cổ phần Lắp máy Điện nước và Xây dựng	42.536.350	42.536.350	42.536.350	42.536.350
Công ty TNHH Thang máy và thiết bị Nam Long	10.991.707.929	10.991.707.929	36.129.761.000	36.129.761.000
Công ty CP đầu tư TM và Công nghệ Tân Thành An	12.128.024.876	12.128.024.876	27.441.585.171	27.441.585.171
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bất động sản Lanmak	53.971.155.693	53.971.155.693	61.985.140.689	61.985.140.689
Công ty Cổ phần Thi công cơ giới Xây lắp	6.553.902.714	6.553.902.714	38.148.033.052	38.148.033.052
Công ty CP XD Bảo tàng HCM	9.543.045.822	9.543.045.822	24.445.353.822	24.445.353.822
Các đối tượng khác	256.415.601.602	256.415.601.602	279.351.733.155	279.351.733.155
<b>Tổng</b>	<b>432.834.379.757</b>	<b>432.834.379.757</b>	<b>591.555.780.953</b>	<b>591.555.780.953</b>

*Trong đó phải trả người bán*

*các bên liên quan*

*(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)*

<i>91.989.913.434</i>	<i>91.989.913.434</i>	<i>140.532.973.060</i>	<i>140.532.973.060</i>
-----------------------	-----------------------	------------------------	------------------------

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024

**5.15 Người mua ứng tiền trước ngắn hạn**

	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
GT12-XD nhà ga T3-Cảng HKQT TSN (HĐ số: 23088)	107.558.878.017	258.976.684.747
GT 5.10:LĐ tbi-DA Cảng HKQT Long Thành gđ1	19.102.866.241	131.059.100.125
BV 19-8 BCA gói XL03 (HĐ 1011/2023)	83.833.498.707	111.112.487.280
ĐTXD CT mở rộng BV 30-4 BCA	26.742.790.051	43.447.573.798
Bảo hiểm Tiền gửi Việt Nam	-	2.938.895.545
GT12-Mở rộng Nhà ga HK T2-HK Nội Bài	91.915.997.362	-
Bệnh viện Đa khoa Cù Chi	-	1.265.256.723
Các đối tượng khác	64.250.173.618	91.833.366.972
<b>Tổng</b>	<b>393.404.203.996</b>	<b>640.633.365.190</b>

**5.16 Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước**

*Đơn vị tính: VND*

	01/01/2024	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/6/2024
<b>a. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</b>	<b>125.601.849.811</b>	<b>35.450.540.600</b>	<b>68.894.368.066</b>	<b>92.158.022.345</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	5.773.508.314	-	5.773.508.314
Thuế thu nhập cá nhân	73.305.400	1.480.576.565	1.543.964.387	9.917.578
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	69.631.501.997	26.894.592.856	11.585.276.979	84.940.817.874
Cổ tức phải nộp cho phần vốn Nhà nước	55.759.843.200	-	55.759.843.200	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác (*)	137.199.214	1.301.862.865	5.283.500	1.433.778.579
<b>b. Các khoản phải thu Nhà nước</b>	<b>9.031.199.172</b>	<b>(613.247.264)</b>	<b>4.053.538.353</b>	<b>13.697.984.789</b>
Thuế giá trị gia tăng	2.782.591.845	(613.247.264)	4.053.538.353	7.449.377.462
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.248.607.327	-	-	6.248.607.327

(\*): Đây là các khoản chậm nộp: Phạt chậm nộp cổ tức, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế đất.....

**5.17 Chi phí phải trả ngắn hạn**

	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
Trích trước chi phí các công trình xây dựng	909.274.778.249	778.891.216.816
Trích trước chi phí các dự án Bất động sản	354.113.620.408	349.222.136.223
Chi phí phải trả khác	-	1.300.000.000
<b>Tổng</b>	<b>1.263.388.398.657</b>	<b>1.129.413.353.039</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024

**5.18 Doanh thu chưa thực hiện**

	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>3.947.772.916</b>	<b>3.947.772.916</b>
Trung tâm thương mại 3 tầng Dự án tổ hợp Chung cư 28 tầng Làng Quốc tế Thăng Long (*)	3.947.772.916	3.947.772.916
<b>Dài hạn</b>	<b>146.872.099.611</b>	<b>358.696.194.248</b>
Trung tâm thương mại số 3 tầng Dự án tổ hợp Chung cư 28 tầng Làng Quốc tế Thăng Long (*)	146.872.099.611	148.845.986.069
Tòa nhà hỗn hợp N01-T6, T7 khu Ngoại giao đoàn	-	209.850.208.179
<b>Tổng</b>	<b>150.819.872.527</b>	<b>362.643.967.164</b>

(\*): Đây là doanh thu nhận trước tiền cho thuê trung tâm thương mại theo hợp đồng sau:

- Hợp đồng cho thuê ngày 29/11/2012 giữa Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội và Công ty cổ phần Tập đoàn Đại Dương.
- Biên bản thỏa thuận ngày 25/5/2017 giữa Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội, Công ty cổ phần Tập đoàn Đại Dương và Công ty cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Vincommerce.

Tổng giá trị hợp đồng là 218 tỷ đồng, thời hạn cho thuê là 50 năm từ ngày 29/11/2012.

**5.19 Phải trả ngắn hạn khác**

	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>164.570.453.508</b>	<b>182.300.229.330</b>
Kinh phí công đoàn	466.613.809	294.580.180
Bảo hiểm xã hội	220.052.176	451.094.781
Bảo hiểm y tế	21.730.795	30.293.780
Bảo hiểm thất nghiệp	-	24.950.455
Phải trả, phải nộp khác	163.862.056.728	181.499.310.134
<i>Cổ tức lợi nhuận phải trả</i>	<i>131.010.244</i>	<i>124.702.244</i>
<i>Phí bảo trì 2% - Dự án N06, N07</i>	<i>26.605.446.000</i>	<i>19.471.628.580</i>
<i>Phí bảo trì 2% - Dự án Tòa nhà N01T8 NGĐ</i>	<i>2.182.190.305</i>	<i>2.160.533.247</i>
<i>Số dư quỹ Khen thưởng, Phúc lợi chia cho người lao động khi cổ phần hóa</i>	<i>8.740.559.834</i>	<i>10.790.764.076</i>
<i>Phải trả tiền nhận góp vốn hộ vào Công ty CP Xi Măng Mỹ Đức (*)</i>	<i>9.793.145.000</i>	<i>9.793.145.000</i>
<i>Phải trả tiền nhận góp vốn hộ vào Công ty Cổ phần Sahabak (*)</i>	<i>13.000.000.000</i>	<i>13.000.000.000</i>
<i>Công ty cổ phần Đầu tư Bất động sản TASECO</i>	<i>28.048.172.268</i>	<i>28.048.172.268</i>
<i>Phải trả lãi vay</i>	<i>832.547.320</i>	<i>43.402.892.095</i>
<i>Công ty CP đầu tư khai thác nhà ga quốc tế Đà Nẵng</i>	<i>30.600.000.000</i>	<i>11.475.000.000</i>
<i>Các khoản phải trả khác</i>	<i>43.928.985.757</i>	<i>43.232.472.624</i>
<b>Tổng</b>	<b>164.570.453.508</b>	<b>182.300.229.330</b>

*Trong đó phải trả khác là các bên liên quan (trình bày tại Thuyết minh số 7.1)*

*2.687.382.674                      2.687.382.674*

(\*): Các khoản phải trả tiền nhận vốn góp hộ đầu tư vào các đơn vị chi tiết tại Thuyết minh số 5.12 - Các khoản đầu tư tài chính.

**TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG HÀ NỘI - CTCP**Số 57 Quang Trung, phường Nguyễn Du,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà NộiMẫu số B 09a - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024

**5.20 Vay và nợ thuê tài chính***Đơn vị tính: VND*

	30/6/2024		Phát sinh trong kỳ		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Vay</b>						
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>597.157.364.094</b>	<b>597.157.364.094</b>	<b>456.464.301.457</b>	<b>504.511.028.618</b>	<b>645.204.091.255</b>	<b>645.204.091.255</b>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch (1)	306.225.393.456	306.225.393.456	249.723.610.268	239.858.593.720	296.360.376.908	296.360.376.908
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội (2)	273.679.077.909	273.679.077.909	188.889.194.524	86.381.916.145	171.171.799.530	171.171.799.530
Tổng Công ty Cổ phần Kinh Bắc -CTCP	-	-	-	97.965.579.452	97.965.579.452	97.965.579.452
Công ty Cổ phần Phát triển TN	-	-	3.851.496.665	72.304.939.301	68.453.442.636	68.453.442.636
Công ty cổ phần Xây dựng số 1 Hà Nội (4)	3.000.000.000	3.000.000.000	7.000.000.000	4.000.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Xây lắp (3)	11.802.892.729	11.802.892.729	7.000.000.000	4.000.000.000	8.802.892.729	8.802.892.729
Vay các đối tượng khác	2.450.000.000	2.450.000.000	-	-	2.450.000.000	2.450.000.000
<b>Tổng</b>	<b>597.157.364.094</b>	<b>597.157.364.094</b>	<b>456.464.301.457</b>	<b>504.511.028.618</b>	<b>645.204.091.255</b>	<b>645.204.091.255</b>
<i>Trong đó: Vay với các bên liên quan trình bày tại Thuyết minh số 7.1</i>	<i>14.802.892.729</i>	<i>14.802.892.729</i>	<i>14.000.000.000</i>	<i>8.000.000.000</i>	<i>8.802.892.729</i>	<i>8.802.892.729</i>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024

**5.20 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)**

- (1) Bao gồm số dư của các hợp đồng hạn mức tín dụng sau:
- Hợp đồng tín dụng hạn mức số 02/2023/134621/HĐTD ngày 15/11/2023 giữa Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội - CTCP và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh SGD 1. Hạn mức tín dụng: 700.000.000.000 VND (Bằng chữ: Bảy trăm tỷ đồng), trong đó dư nợ ngắn hạn, bảo lãnh thanh toán, mở L/C tại mọi thời điểm không vượt quá 200.000.000.000 VND (Bằng chữ: Hai trăm tỷ đồng). Hạn mức trên đã bao gồm toàn bộ dư nợ vay ngắn hạn, dư bảo lãnh, mở L/C của Tổng công ty Xây dựng Hà Nội - CTCP tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN SGD 1 theo hợp đồng tín dụng số 01/2023/134621/HĐTD. Thời hạn cấp hạn mức: Từ 15/11/2023 đến 31/08/2024; lãi suất và thời gian cho vay/thời hạn bảo lãnh/thời hạn L/C được quy định từng Hợp đồng tín dụng cụ thể, Hợp đồng cấp bảo lãnh cụ thể, L/C được phát hành. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, cấp bảo lãnh, mở L/C phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, cấp bảo lãnh, mở L/C phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Biện pháp đảm bảo quy định cụ thể tại "Mục 3. Biện pháp đảm bảo" của hợp đồng.
  - Hợp đồng tín dụng hạn mức số 03/2023/134621/HĐTD ngày 10/10/2023 giữa Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội - CTCP và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh SGD 1. Hạn mức tín dụng: 700.000.000.000 VND (Bằng chữ: Bảy trăm tỷ đồng). Hạn mức trên đã bao gồm toàn bộ dư nợ vay ngắn hạn, dư bảo lãnh, mở L/C của Tổng công ty Xây dựng Hà Nội - CTCP tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh SGD 1. Thời hạn cấp hạn mức: Từ 15/10/2023 đến 22/10/2025; lãi suất và thời gian cho vay/thời hạn bảo lãnh/thời hạn L/C được quy định từng Hợp đồng tín dụng cụ thể, Hợp đồng cấp hạn mức: Từ lãnh cụ thể, L/C được phát hành. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, cấp bảo lãnh, mở L/C phục vụ thi công Hợp đồng thi công xây dựng công trình. Biện pháp đảm bảo quy định cụ thể tại "Mục 3. Biện pháp đảm bảo" của hợp đồng.
- (2) Bao gồm số dư của các hợp đồng hạn mức tín dụng sau:
- Hợp đồng tín dụng hạn mức số 02/2023/134621/HĐTD ngày 21/9/2023 giữa Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội - CTCP với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Hà Nội. Hạn mức tín dụng: 350.000.000.000 VND (Bằng chữ: Ba trăm năm mươi tỷ đồng). Hạn mức trên đã bao gồm toàn bộ dư nợ vay ngắn hạn, dư bảo lãnh, mở L/C của Tổng công ty Xây dựng Hà Nội - CTCP tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng tín dụng số 01/2023/134621/HĐTD. Thời hạn cấp hạn mức: Từ 21/09/2023 đến 31/08/2024; lãi suất và thời gian cho vay/thời hạn bảo lãnh/thời hạn L/C được quy định từng Hợp đồng tín dụng cụ thể, Hợp đồng cấp bảo lãnh cụ thể, L/C được phát hành. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, cấp bảo lãnh, mở L/C phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Biện pháp đảm bảo quy định cụ thể tại "Mục 3. Biện pháp đảm bảo" của hợp đồng.
  - Hợp đồng tín dụng số 03/2023/134621/HĐTD ngày 09/10/2023 giữa Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội - CTCP với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Hà Nội. Số tiền cấp tín dụng: 600.000.000.000 VND (Bằng chữ: Sáu trăm tỷ đồng). Thời hạn cấp tín dụng: đến hết 05/12/2026; lãi suất và thời gian cho vay/thời hạn bảo lãnh/thời hạn L/C được quy định từng Hợp đồng tín dụng cụ thể, Hợp đồng cấp bảo lãnh cụ thể, L/C được phát hành. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, cấp bảo lãnh, mở L/C phục vụ thi công Hợp đồng thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị. Biện pháp đảm bảo quy định cụ thể tại "Mục 3. Biện pháp đảm bảo" của hợp đồng.

**TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG HÀ NỘI - CTCP**

Số 57 Quang Trung, phường Nguyễn Du,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024

**5.20 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)**

- (3) Hợp đồng tiền vay có kỳ hạn số 02/MCS-HANCORP ngày 29/12/2021 giữa Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội - CTCP và Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới Xây lắp. Số tiền: 30.000.000.000 VND (*Bảng chữ: Ba mươi tỷ đồng chẵn*). Thời hạn: 03 tháng, gia hạn đến 31/3/2023; lãi suất 8%/năm. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Biện pháp bảo đảm: Tín chấp.
- (4) Hợp đồng tiền vay có kỳ hạn số 02.2024/HACCI1-HANCORP ngày 21/3/2024 giữa Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội - CTCP và Công ty Cổ phần Xây dựng số 1 Hà Nội. Số tiền: 7.000.000.000 VND (*Bảng chữ: Bảy tỷ đồng chẵn*). Thời hạn: 03 tháng, đến hết ngày 21/6/2024; lãi suất 6%/năm. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Biện pháp bảo đảm: Tín chấp.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024

**5.21 Vốn chủ sở hữu**

**a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

*Đơn vị tính: VND*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2023	1.410.480.000.000	34.829.932.105	61.242.400.544	1.506.552.332.649
Lãi trong năm trước	-	-	44.633.126.875	44.633.126.875
Trích lập các quỹ	-	2.323.200.544	(4.823.200.544)	(2.500.000.000)
Chi cổ tức	-	-	(56.419.200.000)	(56.419.200.000)
<b>Số dư tại 31/12/2023</b>	<b>1.410.480.000.000</b>	<b>37.153.132.649</b>	<b>44.633.126.875</b>	<b>1.492.266.259.524</b>
Số dư tại 01/01/2024	1.410.480.000.000	37.153.132.649	44.633.126.875	1.492.266.259.524
Lãi trong kỳ này	-	-	22.909.879.760	22.909.879.760
<b>Số dư tại 30/6/2024</b>	<b>1.410.480.000.000</b>	<b>37.153.132.649</b>	<b>67.543.006.635</b>	<b>1.515.176.139.284</b>

**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	30/6/2024 VND	01/01/2024 VND
Vốn góp của Nhà nước (Bộ Xây dựng)	1.393.996.080.000	1.393.996.080.000
Vốn góp của đối tượng khác	16.483.920.000	16.483.920.000
<b>Tổng</b>	<b>1.410.480.000.000</b>	<b>1.410.480.000.000</b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp tại đầu kỳ	1.410.480.000.000	1.410.480.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp tại cuối kỳ	1.410.480.000.000	1.410.480.000.000
Cổ tức	-	-

**d. Cổ phiếu**

	30/6/2024 Cổ phiếu	01/01/2024 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	141.048.000	141.048.000
Số lượng cổ phiếu đã bán	141.048.000	141.048.000
Cổ phiếu phổ thông	141.048.000	141.048.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	141.048.000	141.048.000
Cổ phiếu phổ thông	141.048.000	141.048.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024

**5.22 Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ và cam kết thuê hoạt động**

**a. Tài sản cho thuê ngoài**

Tổng Công ty hiện đang cho thuê tài sản theo các hợp đồng thuê hoạt động, cụ thể:

- Cho thuê một phần Tòa nhà văn phòng tại số 57 Quang Trung, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội;
- Cho thuê mặt bằng tầng hầm, trung tâm thương mại khối 3 tầng, tầng 1 và tầng 2, diện tích khu văn phòng thuộc dự án 28 tầng Làng Quốc tế Thăng Long;
- Tầng hầm, khu văn phòng tầng 1 thuộc khu nhà ở và thương mại N04A - dự án hạ tầng Ngoại giao đoàn;
- Tầng hầm và khu văn phòng tầng 1 thuộc dự án Nhà ở cao tầng N01T8 - dự án hạ tầng Ngoại giao đoàn;
- Sân tennis - Khu nhà ở công vụ và thương mại NO4A;
- Bể bơi và khu vực phục vụ bể bơi - Nhà ở cao tầng NO1T8.

**b. Tài sản thuê ngoài**

(1) 886 m<sup>2</sup> đất trụ sở Tổng Công ty - số 57 Quang Trung, phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội:

- + Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số X 104740 ngày 08/9/2003 của UBND Thành phố Hà Nội cho thuê đất 30 năm làm trụ sở từ 28/01/2003 đến 28/01/2033.
- + Hợp đồng thuê đất số 43-2003/ĐCND-HĐTĐTN ngày 28/4/2003 cho thuê đất 57 Quang Trung thời hạn 30 năm làm trụ sở Tổng Công ty. Theo quy định của hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm theo quy định hiện hành của Nhà nước.
- + Mục đích sử dụng: Lô đất này Tổng Công ty đang sử dụng làm trụ sở làm việc và cho thuê một phần.

(2) 6.094,91m<sup>2</sup> đất Khu TĐTT có ký hiệu (H) tại Làng Quốc tế Thăng Long, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội:

- + Hợp đồng thuê đất số 457/HĐTĐ-STNMT-CCQLĐĐ ngày 01/8/2017; Hình thức sử dụng đất: Thuê đất thời hạn hàng năm trả tiền thuê đất hàng năm.
- + Mục đích sử dụng: lô đất công cộng thể thao và khu bể bơi phục vụ cho khu vực Làng Quốc tế Thăng Long.

(3) 406 m<sup>2</sup> đất Nhà trẻ (khu K) tại Làng Quốc tế Thăng Long, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

- + Hợp đồng thuê đất số 457/HĐTĐ-STNMT-CCQLĐĐ ngày 01/8/2017; Hình thức sử dụng đất: Thuê đất thời hạn hàng năm trả tiền thuê đất hàng năm.
- + Mục đích sử dụng: lô đất nhà trẻ, đây là lô đất phục vụ nhu cầu giáo dục cho khu vực Làng Quốc tế Thăng Long.

(4) 2.086 m<sup>2</sup> đất Trung tâm thương mại Tổ hợp nhà ở đa năng 28 tầng Làng Quốc tế Thăng Long - Phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội:

- + Hợp đồng thuê đất số 103/HĐTĐ-STNMT-PC ngày 22/02/2016 giữa bên cho thuê Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội và Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội - CTCP. Thời hạn thuê đất: 50 năm kể từ ngày 02/02/2010. Theo quy định của hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm theo quy định hiện hành của Nhà nước.
- + Mục đích thuê đất: Để thực hiện dự án đầu tư xây dựng Tổ hợp công trình đa năng 28 tầng.

**c. Ngoại tệ các loại**

	30/6/2024	01/01/2024
	USD	USD
Đô la Mỹ (USD)	80,20	93,40
<b>Tổng</b>	<b>80,20</b>	<b>93,40</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Doanh thu kinh doanh bất động sản	357.458.398.139	-
Doanh thu hoạt động xây lắp	748.970.131.467	637.434.080.662
Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.889.946.841	5.104.855.931
<b>Tổng</b>	<b>1.111.318.476.447</b>	<b>642.538.936.593</b>
<i>Trong đó doanh thu với các bên liên quan (trình bày tại Thuyết minh số 7.1)</i>	<i>3.561.837.101</i>	<i>3.129.873.536</i>

**6.2 Giá vốn hàng bán**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Giá vốn kinh doanh bất động sản	321.378.654.735	(8.493.898.460)
Giá vốn hoạt động xây lắp	736.769.758.258	628.051.431.925
Giá vốn cung cấp dịch vụ	4.292.369.078	4.222.735.711
<b>Tổng</b>	<b>1.062.440.782.071</b>	<b>623.780.269.176</b>

**6.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	171.681.117	183.866.500
Cổ tức, lợi nhuận được chia	19.125.000.000	9.792.933.000
<b>Tổng</b>	<b>19.296.681.117</b>	<b>9.976.799.500</b>
<i>Trong đó doanh thu với các bên liên quan (trình bày tại Thuyết minh số 7.1)</i>	<i>-</i>	<i>5.259.885.000</i>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024

**6.4 Chi phí tài chính**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Lãi tiền vay	19.675.980.973	5.966.313.513
<b>Tổng</b>	<b>19.675.980.973</b>	<b>5.966.313.513</b>

**6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Chi phí nhân viên quản lý	13.640.446.852	1.483.360.170
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.718.240.599	4.463.421.139
Thuế phí và lệ phí	585.527.365	242.680.672
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.232.046.605	2.849.199.343
<b>Tổng</b>	<b>21.176.261.421</b>	<b>9.038.661.324</b>

**6.6 Thu nhập khác/Chi phí khác**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
<b>Thu nhập khác</b>		
Cho thuê văn phòng, địa điểm	2.925.095.777	1.259.052.727
Thu nhập từ thu phí tổng thầu, tiền điện, nước, phí quản lý của các nhà đầu tư thứ cấp, nhà thầu	18.925.142.988	1.306.373.042
Tiền thu từ hợp tác với nhà đầu tư thứ cấp dự án Ngoại giao đoàn	50.512.562.998	-
Thu nhập khác	1.336.813.132	1.142.231.199
<b>Tổng</b>	<b>73.699.614.895</b>	<b>3.707.656.968</b>
<b>Chi phí khác</b>		
Chi phí quản lý, tiền điện của các nhà đầu tư thứ cấp, nhà thầu	18.698.071.624	540.673.844
Chi phí từ hợp tác với nhà đầu tư thứ cấp dự án Ngoại giao đoàn	50.512.562.998	-
Chi phí khác	3.127.725.298	2.688.653.871
<b>Tổng</b>	<b>72.338.359.920</b>	<b>3.229.327.715</b>
<b>Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)</b>	<b>1.361.254.975</b>	<b>478.329.253</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024

**6.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN</b>	<b>28.683.388.074</b>	<b>14.208.821.333</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN chưa bao gồm hoạt động kinh doanh Bất động sản</b>	<b>(7.396.355.330)</b>	<b>5.714.922.873</b>
Các khoản điều chỉnh tăng	218.809.636	861.879.453
- Các khoản phạt chậm nộp	-	643.069.817
- Khấu hao ô tô trên 1,6 tỷ	94.763.636	94.763.636
- Thù lao Ban Kiểm soát không chuyên trách	124.046.000	124.046.000
Các khoản điều chỉnh giảm	19.125.000.000	9.792.933.000
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	19.125.000.000	9.792.933.000
Thu nhập chịu thuế TNDN	(26.302.545.694)	(3.216.130.674)
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành chưa bao gồm hoạt động kinh doanh Bất động sản (1)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN hoạt động kinh doanh Bất động sản</b>	<b>36.079.743.404</b>	<b>8.493.898.460</b>
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	7.212.201.834	-
- Phân bổ chi phí quản lý	7.212.201.834	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	28.867.541.570	8.493.898.460
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành hoạt động Bất động sản (2)</b>	<b>5.773.508.314</b>	<b>1.698.779.692</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành = (1) + (2)</b>	<b>5.773.508.314</b>	<b>1.698.779.692</b>

**6.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Chi phí nhân công	27.960.113.205	3.127.792.170
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.301.696.678	5.849.304.265
Chi phí dịch vụ mua ngoài	926.683.994.289	792.292.671.055
Chi phí khác bằng tiền	13.631.066.641	17.784.997.547
<b>Tổng</b>	<b>974.576.870.813</b>	<b>819.054.765.037</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024

**7. THÔNG TIN KHÁC**

**7.1 Thông tin về các bên liên quan**

Tại ngày 30/06/2024, Tổng Công ty có các bên liên quan như sau:

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Bộ Xây dựng	Chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Xây dựng số 1 Hà Nội	Công ty con
Công ty CP Đầu tư Phát triển nhà và Xây dựng Tây hồ	Công ty con
Công ty CP Thiết bị và Vật liệu Xây dựng Hancorp	Công ty con
Công ty TNHH MTV Hancorp 3	Công ty con
Công ty TNHH MTV Hantech	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại Hancorp1 Hà Nội	Công ty con
Công ty cổ phần Dịch vụ Đô thị Hancorp	Công ty con
Công ty Cổ phần Hancorp	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Xây dựng Hancorp.2	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Tư vấn thiết kế và kinh doanh nhà	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Xây dựng số 34	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây dựng	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới Xây lắp	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Xây dựng số 2	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần kinh doanh vật tư và Xây dựng	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bất động sản LANMAK	Công ty liên kết
Công ty TNHH Quốc tế Hồ Tây	Công ty liên doanh
Công ty Cổ phần Công nghệ Xây dựng Hancorp5	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Xi măng Mỹ Đức	Công ty liên kết
Công ty cổ phần Đầu tư Cao Tốc Hòa Bình- Sơn La	Công ty liên kết
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và các cá nhân có liên quan đến các thành viên quản lý chủ chốt	Ảnh hưởng đáng kể

**Giao dịch với các nhân sự chủ chốt và cổ đông**

<b>Bên liên quan</b>	<b>Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND</b>	<b>Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND</b>
Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát	2.023.081.000	1.846.837.000
<b>Tổng</b>	<b>2.023.081.000</b>	<b>1.846.837.000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024

**7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**

**Số dư các bên liên quan**

<b>Công nợ</b>	<b>30/6/2024</b>	<b>01/01/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Phải thu ngắn hạn khách hàng</b>	<b>14.492.052.620</b>	<b>18.498.609.112</b>
Công ty Cổ phần Dịch vụ Đô thị Hancorp	96.285.373	2.742.911.653
Công ty Cổ phần Xây dựng số 1 Hà Nội	293.025.645	109.155.348
Công ty TNHH MTV Hantech	19.564.998	19.564.998
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bất động sản Lanmak	11.344.305.174	10.176.864.645
Công ty Cổ phần Kinh doanh Vật tư và Xây dựng	476.807.349	476.807.349
Công ty Cổ phần thi công cơ giới Xây lắp	1.721.539.025	4.435.058.787
Công ty cổ phần Tư vấn Thiết kế Xây dựng Kinh doanh Nhà	32.040.814	29.762.090
Công ty Cổ phần xây dựng Hancorp.2	75.532.500	75.532.500
Công ty Cổ phần xây dựng số 2	432.951.742	432.951.742
<b>Trả trước cho người bán</b>	<b>197.046.301.857</b>	<b>155.287.077.106</b>
Công ty Cổ phần kinh doanh vật tư và xây dựng	181.089.272	181.089.272
Công ty Cổ phần xây dựng Hancorp.2	330.080.139	330.080.139
Công ty Cổ phần Cơ khí & xây dựng	1.191.054.000	1.191.054.000
Công ty Cổ phần Hancorp	106.510.895.110	106.510.895.110
Cty CP xây dựng số 1 Hà Nội	40.436.756.717	-
Công ty Cổ phần Xây dựng số 2	10.530.474.408	10.530.474.408
Công ty TNHH Một thành viên Hancorp 3	8.251.219.619	8.051.219.619
Công ty TNHH MTV Hantech	16.214.602.435	16.214.602.435
Công ty Cổ phần Công nghệ và XD Hancorp 5	11.424.377.024	12.277.662.123
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xây dựng Kinh doanh Nhà	1.975.753.133	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024

**7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**

**Số dư các bên liên quan**

<b>Công nợ</b>	<b>30/6/2024</b>	<b>01/01/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Phải thu khác</b>	<b>214.561.314.284</b>	<b>215.917.297.285</b>
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây dựng	29.773.759.161	29.773.759.161
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Xây dựng Tây Hồ	17.646.048.746	17.646.048.746
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Hancorp 1 Hà Nội	502.382.621	502.382.621
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bất động sản Lanmak	7.196.409.464	7.196.409.464
Công ty Cổ phần Dịch vụ Đô thị Hancorp	736.422.912	709.115.922
Công ty Cổ phần Hancorp	41.060.891.009	39.073.331.000
Công ty Cổ phần Kinh doanh Vật tư và Xây dựng	4.622.094.541	4.622.094.541
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới Xây lắp	301.376.234	301.376.234
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xây dựng Kinh doanh Nhà	1.679.877.067	1.550.727.067
Công ty Cổ phần Xây dựng Hancorp.2	70.437.981.107	70.437.981.107
Công ty Cổ phần Xây dựng số 1 Hà Nội	805.387.714	805.387.714
Công ty Cổ phần Xây dựng số 2	5.114.524.174	5.114.524.174
Công ty Cổ phần Thiết bị và Vật liệu Xây dựng Hancorp	8.902.385.408	12.402.385.408
Công ty TNHH MTV Hantech	12.481.856.724	12.481.856.724
Công ty Cổ phần Công nghệ Xây dựng Hancorp5	11.965.333	11.965.333
Công ty TNHH MTV Hancorp 3	12.942.257.625	12.942.257.625
Công ty Cổ phần Xây dựng số 34	345.694.444	345.694.444
<b>Phải trả người bán</b>	<b>91.989.913.434</b>	<b>140.532.973.060</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Hancorp 1	16.050.817.488	18.552.554.488
Công ty Cổ phần XD số 34	2.986.067.018	4.190.013.813
Công ty Cổ phần thiết bị & vật liệu XD Hancorp	1.351.900.214	1.351.900.214
Công ty Cổ phần xây dựng số 1 Hà Nội	-	3.921.323.591
Công ty CP ĐT nhà và XD Tây Hồ	10.845.069.307	10.845.069.307
Công ty TNHH Quốc tế Hồ Tây	-	6.550.950
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bất động sản Lanmak	53.971.155.693	61.985.140.689
Công ty Cổ phần Thi công cơ giới Xây lắp	6.553.902.714	38.148.033.052
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xây dựng Kinh doanh Nhà	231.001.000	1.532.386.956
<b>Phải trả khác</b>	<b>2.687.382.674</b>	<b>2.687.382.674</b>
Công ty Cổ phần Dịch vụ Đô thị Hancorp	14.648.633	14.648.633
Công ty Cổ phần Xây dựng số 34	2.593.145.000	2.593.145.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bất động sản Lanmak	79.589.041	79.589.041
<b>Vay và nợ ngắn hạn</b>	<b>14.802.892.729</b>	<b>8.802.892.729</b>
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Xây lắp	11.802.892.729	8.802.892.729
Công ty cổ phần Xây dựng số 1 Hà Nội	3.000.000.000	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024

**7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)****Giao dịch các bên liên quan khác**

<b>Các bên liên quan</b>	<b>Cho kỳ kế toán</b>	<b>Cho kỳ kế toán</b>
	<b>kết thúc</b>	<b>kết thúc</b>
	<b>ngày 30/6/2024</b>	<b>ngày 30/6/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Giao dịch bán hàng hóa dịch vụ</b>	<b>3.561.837.101</b>	<b>3.129.873.536</b>
Công ty Cổ phần Dịch vụ Đô thị Hancorp	2.654.242.200	2.864.242.200
Công ty Cổ phần Xây dựng số 1 Hà Nội	203.086.310	16.363.636
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bất động sản Landmark	704.508.591	246.269.209
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xây dựng Kinh doanh Nhà	-	2.998.491
<b>Giao dịch mua hàng hóa dịch vụ</b>	<b>218.848.824.004</b>	<b>258.048.690.913</b>
Công ty Cổ phần Công nghệ Xây dựng Hancorp5	7.979.570.909	5.363.586.364
Công ty Cổ phần Đầu Tư và Xây dựng Bất động sản Lanmak	88.293.080.376	130.194.116.841
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới Xây lắp	88.033.324.433	120.200.861.088
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết Kế Xây dựng Kinh doanh Nhà	210.000.909	2.190.126.620
Công ty Cổ phần Dịch vụ Đô thị Hancorp	289.074.000	100.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng số 1 Hà Nội	34.043.773.377	-
<b>Cổ tức</b>	-	<b>5.259.885.000</b>
Công ty Cổ phần Xây dựng số 1 Hà Nội	-	4.028.865.000
Công ty Cổ phần Đầu Tư và Xây dựng Bất động sản Lanmak	-	1.101.870.000
Công ty Cổ phần Tư vấn thiết kế và kinh doanh Nhà	-	129.150.000
<b>Vay</b>	<b>14.000.000.000</b>	-
Công ty cổ phần Xây dựng số 1 Hà Nội (4)	7.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Xây lắp (3)	7.000.000.000	-



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024

**7.2 Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trên Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

Thông tin so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2024

**Người lập**

**Kế toán trưởng**

**Tổng Giám đốc**



**Nguyễn Thị Thu Hương**

**Nguyễn Quang Huy**

**Nguyễn Đỗ Quý**

